

SỞ Y TẾ QUẢNG TRỊ
CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM

HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
TCVN ISO 9001:2015

QUY TRÌNH
ĐIỀU TRA VÀ XỬ LÝ NGỘ ĐỘC THỰC PHẨM

Ký mã hiệu : QT.NV.01
Lần ban hành/Sửa đổi: 01/00

Trách nhiệm	Soạn thảo	Soát xét	Phê duyệt
Họ và tên	Phan Thị Thảo Vinh Trưởng phòng Ngh nghiệp vụ	Lê Quốc Dũng Phó Chi cục trưởng	Hoàng Đình Ấn Chi cục trưởng
Ngày ký	23/10/2024	25/10/2024	30/10/2024
Chữ ký			

MỤC LỤC

THEO DÕI BAN HÀNH, SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

THEO DÕI BAN HÀNH, SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Ngày	Nội dung sửa đổi	Ban hành/Sửa đổi
30/10/2024	Ban hành lần đầu	01/00

1. MỤC ĐÍCH

Quy trình này mô tả cụ thể việc điều tra, xác định nguyên nhân của vụ ngộ độc thực phẩm và kiến nghị các biện pháp xử lý ngộ độc thực phẩm.

Đảm bảo giải quyết khi xảy ra vụ ngộ độc thực phẩm trên địa bàn tỉnh Quảng Trị một cách nhanh chóng, hiệu quả và đúng quy định.

2. PHẠM VI

- Áp dụng khi có vụ ngộ độc thực phẩm xảy ra.
- Phòng Nghiệp vụ chủ trì thực hiện quy trình này.
- Các phòng chức năng của Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện quy trình này.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

- Căn cứ Luật An toàn thực phẩm ngày 17/6/2010;
- Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;
- Căn cứ Nghị định số 67/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ Y tế; Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;
- Căn cứ Quyết định số 5327/2003/QĐ-BYT ngày 13/10/2003 của Bộ Y tế về việc ban hành Quy định lấy mẫu thực phẩm và bệnh phẩm khi xảy ra ngộ độc thực phẩm;
- Căn cứ Quyết định số 39/2006/QĐ-BYT ngày 13/12/2006 của Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế điều tra ngộ độc thực phẩm;
- Căn cứ Quyết định số 1246/QĐ-BYT ngày 31/3/2017 của Bộ Y tế về việc Ban hành hướng dẫn thực hiện chế độ kiểm thực ba bước và lưu mẫu thức ăn đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống;
- Căn cứ Quyết định số 3081/QĐ-BYT ngày 15/7/2020 của Bộ Y tế về việc Ban hành Quy định chế độ báo cáo và mẫu biểu báo cáo về an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của ngành Y tế;
- Căn cứ Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 07/4/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị về việc Ban hành quy định phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của ngành Y tế trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;
- Căn cứ Quyết định số 4346/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị về việc Ban hành Quy chế phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

- Căn cứ Quyết định số 35/2022/QĐ-UBND ngày 29/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Quảng Trị;

- Căn cứ Quyết định số 07/2024/QĐ-UBND ngày 10/4/2024 của UBND tỉnh Quảng Trị quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm thuộc Sở Y tế tỉnh Quảng Trị;

- Căn cứ Quyết định số 811/QĐ-SYT ngày 3 tháng 11 năm 2023 của Sở Y tế tỉnh Quảng Trị về việc Quy định phân công và tổ chức điều tra, xử lý ngộ độc thực phẩm trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

- Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001;

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

4.1 Định nghĩa (Giải thích từ ngữ)

- Thực phẩm là sản phẩm mà con người ăn, uống ở dạng tươi sống hoặc đã qua sơ chế, chế biến, bảo quản. Thực phẩm không bao gồm mỹ phẩm, thuốc lá và các chất sử dụng như dược phẩm (*Khoản 20, Điều 2 Luật An toàn thực phẩm năm 2010*).

- Ngộ độc thực phẩm là tình trạng bệnh lý do hấp thụ thực phẩm bị ô nhiễm hoặc có chứa chất độc (*Khoản 10, Điều 2 Luật An toàn thực phẩm năm 2010*).

- Vụ ngộ độc thực phẩm là tình trạng ngộ độc cấp xảy ra với 2 người trở lên có dấu hiệu ngộ độc khi ăn cùng một loại thực phẩm tại cùng một địa điểm, thời gian. Trường hợp chỉ có một người mắc và bị tử vong cũng được coi là một vụ ngộ độc thực phẩm (*Khoản 2, Điều 3 Quy chế Điều tra ngộ độc thực phẩm ban hành kèm theo Quyết định số 39/2006/QĐ-BYT ngày 13/12/2006 của Bộ trưởng Bộ Y tế*).

- Mẫu thực phẩm là thức ăn, đồ uống còn lại sau bữa ăn của vụ ngộ độc thực phẩm hoặc mẫu thực phẩm lưu, nguyên liệu dùng để chế biến thực phẩm (*Khoản 3, Điều 3 Quy chế Điều tra ngộ độc thực phẩm ban hành kèm theo Quyết định số 39/2006/QĐ-BYT ngày 13/12/2006 của Bộ trưởng Bộ Y tế*).

- Mẫu bệnh phẩm là chất nôn, dịch hút dạ dày, phân, máu và các dịch sinh học khác của người bị ngộ độc thực phẩm (*Khoản 4, Điều 3 Quy chế Điều tra ngộ độc thực phẩm ban hành kèm theo Quyết định số 39/2006/QĐ-BYT ngày 13/12/2006 của Bộ trưởng Bộ Y tế*).

- Cơ sở nguyên nhân là cơ sở cung cấp bữa ăn mà bữa ăn đó là bữa ăn nguyên nhân (*Khoản 5, Điều 3 Quy chế Điều tra ngộ độc thực phẩm ban hành kèm theo Quyết định số 39/2006/QĐ-BYT ngày 13/12/2006 của Bộ trưởng Bộ Y tế*).

- Bữa ăn nguyên nhân là bữa ăn gây ra ngộ độc thực phẩm hoặc là bữa ăn có thức ăn nguyên nhân (*Khoản 6, Điều 3 Quy chế Điều tra ngộ độc thực phẩm ban hành kèm theo Quyết định số 39/2006/QĐ-BYT ngày 13/12/2006 của Bộ trưởng Bộ Y tế*).

- Thức ăn nguyên nhân là thức ăn gây ngộ độc thực phẩm hoặc là thức ăn có chứa căn nguyên (*Khoản 7, Điều 3 Quy chế Điều tra ngộ độc thực phẩm ban hành kèm theo Quyết định số 39/2006/QĐ-BYT ngày 13/12/2006 của Bộ trưởng Bộ Y tế*).

- Căn nguyên là tác nhân gây ngộ độc thực phẩm, tác nhân gây ngộ độc thực phẩm có thể là các độc tố của vi sinh vật, các chất độc hoá học, chất độc tự nhiên có sẵn trong thực phẩm hoặc do thực phẩm bị hư hỏng, biến chất sinh ra (*Khoản 8, Điều 3 Quy chế Điều tra ngộ độc thực phẩm ban hành kèm theo Quyết định số 39/2006/QĐ-BYT ngày 13/12/2006 của Bộ trưởng Bộ Y tế*).

- Điều tra ngộ độc thực phẩm là quá trình thực hiện các nội dung điều tra ban hành theo Quyết định này để xác định cơ sở nguyên nhân, bữa ăn nguyên nhân, thức ăn nguyên nhân và căn nguyên ngộ độc thực phẩm (*Khoản 9, Điều 3 Quy chế Điều tra ngộ độc thực phẩm ban hành kèm theo Quyết định số 39/2006/QĐ-BYT ngày 13/12/2006 của Bộ trưởng Bộ Y tế*).

4.2 Viết tắt

TT	Chữ viết thường	Chữ viết tắt
1	An toàn thực phẩm	ATTP
2	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	CC ATVSTP
3	Tiêu chuẩn Việt Nam	TCVN
4	Quản lý ngộ độc	QLNĐ
5	Tổ chức, cá nhân	TC,CN
6	Ngộ độc thực phẩm	NĐTP
7	Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm	GCNCSDĐKANTP
8	Quy trình	QT
9	Kiểm soát bệnh tật	KSBT
10	Điều tra ngộ độc thực phẩm	ĐTNDTP

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1 Nguyên tắc

5.1.1 Các nguyên tắc chung khi điều tra ngộ độc thực phẩm (*Quy định tại Điều 4 Quy chế điều tra NĐTP ban hành kèm theo Quyết định số 39/2006/QĐ-BYT ngày 13/12/2006 của Bộ Y tế*).

1. Nắm vững tình hình dịch tễ của địa phương để có hướng phân biệt NĐTP hay là dịch, tránh nhầm lẫn.

2. Điều tra trước khi bị ngộ độc 48 giờ hoặc ít nhất là 24 giờ thông qua:

a) Bệnh nhân (nếu còn tỉnh)

b) Những người xung quanh để nắm được các thông tin liên quan đến người bị ngộ độc thực phẩm đã ăn, uống những gì, các biểu hiện trong thời gian 24 - 48 giờ kể từ khi thực phẩm được ăn, uống.

3. Khai thác và nắm vững các triệu chứng lâm sàng để xác định nguyên nhân gây ngộ độc thực phẩm.

4. Phải lưu giữ thức ăn khả nghi, chất nôn, chất rửa dạ dày - ruột, nước tiểu, phân... của người bị NĐTP, lấy mẫu theo quy định gửi về Trung tâm Y tế dự phòng hoặc Viện chuyên ngành để xét nghiệm.

5. Điều tra tình hình vệ sinh môi trường, tình hình cung cấp thực phẩm, nơi chế biến, nơi bảo quản thực phẩm, nhân viên phục vụ ăn uống... theo mẫu biểu quy định để giúp cho việc xác định nguồn gốc và nguyên nhân gây ngộ độc thực phẩm.

6. Nếu nghi ngờ ngộ độc thực phẩm do vi sinh vật cần tiến hành các xét nghiệm cần thiết đối với người bị ngộ độc, xét nghiệm và điều tra nhân viên phục vụ ăn uống.

7. Trường hợp có tử vong phải kết hợp với cơ quan Công an và cơ quan Pháp y tiến hành điều tra giải phẫu bệnh lý, lấy dịch trong đường tiêu hoá, máu, tim, phổi của những người bị tử vong để xét nghiệm.

8. Việc xét nghiệm mẫu bệnh phẩm cần phải tiến hành ngay sau khi nhận được mẫu gửi đến. Tùy theo dấu hiệu nghi ngờ để có chỉ định xét nghiệm thích hợp.

9. Sau khi có kết quả điều tra tại thực địa, phải tổng hợp phân tích xác định được thời gian, địa điểm xảy ra ngộ độc, số người ăn, số người mắc, số người chết, số người phải vào viện, bữa ăn nguyên nhân, thức ăn nguyên nhân, cơ sở nguyên nhân và căn nguyên, đồng thời phải đề ra được các biện pháp xử lý và phòng ngừa.

5.2 Nơi tiếp nhận, trả kết quả, thời gian và lệ phí

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Phí
Phòng Nghiệp vụ Chi cục	Không ấn định thời gian (tùy thuộc vào quy mô vụ ngộ độc và thời gian trả thông báo kết quả kiểm nghiệm mẫu thực phẩm, bệnh từ các đơn vị kiểm nghiệm).	Không có

5.3 Trình tự xử lý công việc

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Diễn giải	Biểu mẫu/Kết quả
B1	Tiếp nhận thông tin khai báo ngộ độc thực phẩm	Phòng Nghiệp vụ	- Phòng Nghiệp vụ tiếp nhận thông tin khai báo vụ ngộ độc thực phẩm từ tổ chức, cá nhân bị ngộ độc thực phẩm bằng điện thoại, tin nhắn, văn bản,... Với nội dung khai báo: - Thông tin hành chính liên quan đến người có triệu chứng nghi ngờ NĐTP - Địa điểm, địa chỉ xảy ra vụ việc. - Thời gian xảy ra. - Tổng số người ăn, số người mắc, số người nhập viện, số người tử vong - Các triệu chứng chính...	
B2	Kiểm tra thông tin về vụ ngộ độc thực phẩm	Phòng Nghiệp vụ	- Phòng Nghiệp vụ sau khi tiếp nhận thông tin về vụ NĐTP, liên hệ với Trung tâm Y tế trên địa bàn xảy ra ngộ độc để xác nhận mức độ chính xác của thông tin, thu thập thông tin về các nội dung sau: - Thông tin hành chính liên quan đến người có triệu chứng nghi ngờ NĐTP (họ tên, tuổi, giới tính, địa chỉ); - Địa điểm, địa chỉ xảy ra vụ việc (nêu rõ địa điểm là trường học, cơ quan, đơn vị, hộ gia đình,... và địa chỉ cụ thể); - Loại hình xảy ra vụ việc (gia đình, bếp ăn tập thể, nhà hàng, khách sạn,	

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Diễn giải	Biểu mẫu/Kết quả
			đám cưới/giỗ, thức ăn đường phố, khác...); - Thời gian xảy ra vụ việc (thời gian xuất hiện triệu chứng nghi ngờ NĐTP đầu tiên); - Tổng số người ăn, số người mắc, số người nhập viện, số người tử vong (tính đến thời điểm tiếp nhận khai báo); - Các triệu chứng chính; - Bữa ăn nghi ngờ, các món ăn, đồ uống liên quan. - Những hoạt động trước khi phát bệnh, về bữa ăn, thức ăn mà họ đã ăn. - Đề nghị lưu giữ lại mẫu thực phẩm lưu, thực phẩm thừa, chất ô nhiễm, bệnh phẩm để phục vụ cho hoạt động điều tra.	
B3	Xử lý thông tin	Phòng Nghiệp vụ	Khi tiếp nhận thông tin về vụ NĐTP, phòng Nghiệp vụ có trách nhiệm xác minh thông tin và xác định đơn vị chủ trì điều tra. Một vụ NĐTP xảy ra chỉ có một đơn vị chủ trì điều tra, các đơn vị liên quan có trách nhiệm phối hợp với đơn vị chủ trì điều tra trong quá trình điều tra, xử lý vụ NĐTP. Trường hợp xác minh là vụ NĐTP, phòng Nghiệp vụ xác định đơn vị điều tra để tiến hành quy trình điều tra, xử lý vụ NĐTP. Căn cứ để xác định đơn vị chủ trì điều tra như sau: (Theo khoản 2 điều 4 Quyết định số 811/QĐ-SYT ngày 3 tháng 11 năm 2023): <u>Trường hợp 1:</u> Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh là đơn vị chủ trì điều tra đối với vụ NĐTP xảy ra tại cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống	

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Diễn giải	Biểu mẫu/Kết quả
			thuộc thẩm quyền quản lý của cấp tỉnh. Các vụ ngộ độc có tính phức tạp, vụ ngộ độc tập thể ≥ 30 người mắc/vụ. Sau đó tiếp tục thực hiện tiếp B4. <u>Trường hợp 2:</u> Phòng Y tế trên địa bàn xảy ra vụ NĐTP là đơn vị chủ trì điều tra các vụ NĐTP còn lại, trực tiếp điều tra, xử lý và báo với Chi cục (số lượng người bị ngộ độc < 30 người mắc, tính chất vụ ngộ độc không nghiêm trọng, không có người tử vong). Báo cáo vụ NĐTP thực hiện theo quy định tại Báo cáo vụ NĐTP thực hiện theo quy định tại Quyết định số 3081/QĐ-BYT ngày 15/7/2020 của Bộ Y tế về việc ban hành Quy định chế độ báo cáo và biểu mẫu báo cáo về an toàn thực phẩm thuộc quản lý của ngành y tế: - Báo cáo ban đầu vụ NĐTP (theo Mẫu 5A-ĐTNĐTP): Trạm Y tế nơi xảy ra vụ NĐTP báo cáo ngay Trung tâm Y tế/Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm chậm nhất 24 giờ kể từ khi xảy ra vụ NĐTP. - Báo cáo kết thúc vụ NĐTP (theo Mẫu 5B-ĐTNĐTP): Trung tâm Y tế nơi xảy ra vụ NĐTP báo cáo cập nhật kịp thời tình hình kết quả điều tra về Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm và báo cáo kết thúc vụ NĐTP chậm nhất 07 ngày làm việc kể từ thời gian mắc ca NĐTP cuối cùng. Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm báo cáo Cục An toàn thực phẩm chậm nhất 10 ngày làm việc kể từ thời gian mắc ca NĐTP cuối cùng.	Biểu mẫu 5A-ĐTNĐTP Biểu mẫu 5B-ĐTNĐTP
QUY TRÌNH ĐIỀU TRA, XỬ LÝ VỤ NGỘ ĐỘC THỰC PHẨM				

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Diễn giải	Biểu mẫu/Kết quả
B4	Chuẩn bị điều tra NĐTP và Phương pháp điều tra NĐTP	Đoàn/đội điều tra theo Quyết định	1. Chuẩn bị các biểu mẫu điều tra. 2. Chuẩn bị dụng cụ lấy mẫu. 3. Thành lập đoàn/đội điều tra: Sau khi phòng Nghiệp vụ xác minh vụ việc, thì báo ngay Chi cục trưởng chỉ đạo phòng Tổng hợp ra Quyết định thành lập đoàn/đội điều tra NĐTP: tùy sự phán đoán mà thành lập đoàn/đội điều tra, xử lý phù hợp (gồm cán bộ phòng Nghiệp vụ, phòng Tổng hợp, Trung tâm KSBT tỉnh). 4. Chuẩn bị phương tiện đi lại, máy móc, thiết bị khác có liên quan. 5. Trong trường hợp ngoài giờ làm việc, nếu xét thấy tính khẩn cấp của vấn đề vẫn cần phải điều động đội điều tra đi thực địa ngay. Các mẫu biểu, máy móc, dụng cụ cần thiết cho điều tra phải được chuẩn bị sẵn sàng. Phương pháp điều tra: Thực hiện theo Điều 7 Quy chế điều tra ngộ độc thực phẩm ban hành kèm theo Quyết định 39/2006/QĐ-BYT ngày 13 tháng 12 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Y tế.	
B5	Các bước điều tra ngộ độc thực phẩm (*)	Đoàn/đội điều tra theo Quyết định	Tùy theo tình hình thực tế, Trưởng đoàn điều tra phân công các tổ cùng phối hợp với cán bộ y tế tuyến cơ sở điều tra theo các biểu mẫu: 1. Điều tra người bị NĐTP: theo Biểu mẫu 1- ĐTNĐTP (bao gồm điều tra thời gian phát bệnh, triệu	Biểu mẫu 1- ĐTNĐTP

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Diễn giải	Biểu mẫu/Kết quả
			chứng, thức ăn đã ăn, thời gian ăn của cá thể bị NĐTP - Biểu mẫu được tổng hợp từ mẫu điều tra 1, mẫu điều tra 3.1 và 3.2 - Phụ lục Quyết định 39/2006/QĐ-BYT). 2. Điều tra người không bị ngộ độc có liên quan: theo Biểu mẫu 2- ĐTNĐTP (bao gồm điều tra bữa ăn X và bữa ăn Y, thức ăn đã ăn, thời gian ăn của người ăn không bị NĐTP - Biểu mẫu được tổng hợp từ mẫu điều tra 2, mẫu điều tra 3.1 và 3.2 - Phụ lục Quyết định 39/2006/QĐ-BYT). 3. Tổng hợp xử lý số liệu điều tra: theo Biểu mẫu 3- ĐTNĐTP (bao gồm điều tra những thức ăn, số người ăn và không ăn bị NĐTP và không bị NĐTP ở bữa ăn X và bữa ăn Y, xác định bữa ăn nguyên nhân, thức ăn trong bữa ăn nguyên nhân - Biểu mẫu được tổng hợp từ mẫu điều tra 4, mẫu điều tra số 5 và mẫu điều tra số 6 - Phụ lục Quyết định 39/2006/QĐ-BYT). 4. Điều tra tại cơ sở chế biến, kinh doanh thực phẩm: Theo Biểu mẫu 4 - ĐTNĐTP (bao gồm điều tra cơ sở, nguồn gốc, tình hình chế biến thực phẩm, điều tra tiền sử bệnh tật những người chế biến, nấu nướng, phục vụ ăn uống, và công tác lấy mẫu kiểm nghiệm, tình hình dịch bệnh ở địa phương - Biểu mẫu được tổng hợp từ mẫu điều tra 7, mẫu điều tra 8, mẫu điều tra 9, mẫu điều tra 10 và mẫu điều tra 11- Phụ lục Quyết định 39/2006/QĐ-BYT).	Biểu mẫu 2- ĐTNĐTP Biểu mẫu 3- ĐTNĐTP Biểu mẫu 4 – ĐTNĐTP

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Diễn giải	Biểu mẫu/Kết quả
			5. Lấy mẫu và bàn giao mẫu NDTP: Theo Biểu mẫu 6-ĐTNĐTP và Biểu mẫu 7-ĐTNĐTP (Bao gồm mẫu 2 - tem niêm phong mẫu, mẫu 3 – biên bản lấy mẫu NDTP, mẫu 4 – biên bản bàn giao mẫu tại Quyết định số 811/QĐ-SYT ngày 3 tháng 11 năm 2023 của Sở Y tế tỉnh Quảng Trị về việc Quy định Phân công và tổ chức điều tra, xử lý ngộ độc thực phẩm trên địa bàn tỉnh Quảng Trị). Chú ý: - Trong quá trình điều tra nếu vụ ngộ độc có nguy cơ lan rộng thì phải báo cáo khẩn cấp cho UBND và cơ quan Y tế cấp trên biết để có hướng chỉ đạo xử lý dập dịch. - Khi điều tra cần lưu ý các thông tin: nghi ngờ về ngộ độc thuốc; nghi ngờ về ngộ độc ga, nước máy, nước giếng, hoặc các yếu tố khác, hoặc có sự cố ý gây ngộ độc không hoặc tại cơ sở chế biến nếu có vi phạm về các điều kiện quy định trong ATTP, hoặc có vi phạm khác thì phối hợp với phòng Tổng hợp báo cáo lãnh đạo đề nghị Thanh tra Sở xử lý, hoặc báo với cơ quan chức năng có thẩm quyền điều tra thêm. Sau khi điều tra xong, đội điều tra giao cho cán bộ tuyến cơ sở tiếp tục giám sát diễn biến của vụ ngộ độc và báo cáo hàng ngày về phòng Nghiệp vụ Chi cục	Biểu mẫu 6 - ĐTNĐTP và Biểu mẫu 7 - ĐTNĐTP

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Diễn giải	Biểu mẫu/Kết quả
B6	Xử lý số liệu và thông tin	Đoàn/đội điều tra theo Quyết định	Sau khi tiến hành điều tra thực địa theo 11 bước điều tra NDTP, đoàn/đội điều tra NDTP phải tổng hợp, phân tích, kết luận kết quả điều tra theo những nội dung sau: đơn vị xảy ra NDTP; địa điểm xảy ra ngộ độc thực phẩm, thời gian xảy ra ngộ độc; số người ăn, số người mắc, số người đi viện, số người chết; bữa ăn nguyên nhân; thức ăn nguyên nhân; cơ sở nguyên nhân và nguyên nhân. Biên bản thống nhất kết luận vụ ngộ độc: Các thành viên đoàn phối hợp với các đơn vị chuyên môn thống nhất bằng biên bản kết luận vụ ngộ độc theo Biểu mẫu 8-ĐTNĐTP (nếu vụ việc mang tính phức tạp)	Biểu mẫu 8-ĐTNĐTP
B7	Báo cáo, kết luận về vụ NDTP, kiến nghị xử lý, công bố ngộ độc	Phòng Nghiệp vụ tham mưu lãnh đạo dự thảo Báo cáo	Báo cáo kết quả điều tra vụ ngộ độc thực phẩm: Phòng Nghiệp vụ căn cứ cuộc họp phân tích kết quả, kết luận vụ ngộ độc, kiến nghị các biện pháp xử lý ngộ độc tại cơ sở, kiến nghị xử lý theo pháp luật đối với cơ sở nguyên nhân gây ngộ độc và hoàn thành dự thảo báo cáo trình lãnh đạo phê duyệt theo Biểu mẫu 9-ĐTNĐTP. Các biện pháp xử lý để phòng ngừa tái ngộ độc thực phẩm 1. Cải biến sản xuất, chế biến bảo đảm yêu cầu vệ sinh theo quy định. 2. Nâng cao ý thức vệ sinh cho nhân viên sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống. 3. Tích cực chấp hành quy chế, quy định VSATTP.	Biểu mẫu 9-ĐTNĐTP:

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Diễn giải	Biểu mẫu/Kết quả
			4. Xử lý thực phẩm gây ngộ độc (thu hồi, huỷ bỏ, chuyển mục đích sử dụng, tái chế). - Nếu vụ ngộ độc tìm ra được nguyên nhân gây ngộ độc và có vi phạm thì tùy theo mức độ, tính chất, nguyên nhân hậu quả của vụ NĐTP, cần đưa ra các kiến nghị xử lý theo pháp luật đối với cơ sở nguyên nhân gây ngộ độc thực phẩm. Nếu không vi phạm thì có biện pháp tuyên truyền và chuyển hồ sơ lưu.	
B8	Kết thúc hồ sơ lưu:		Phòng Nghiệp vụ chịu trách nhiệm hoàn tất hồ sơ và lưu lại tất cả các tài liệu liên quan tại Phòng Nghiệp vụ trong thời gian 01 năm. Sau đó chuyển sang lưu trữ tại cơ quan theo quy định.	

(*) Ở bước 5: Công tác điều tra, Chi cục chủ trì vụ phối hợp Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh, với chính quyền địa phương và các đơn vị liên quan trực tiếp điều tra các nội dung sau:

a. Điều tra tại đơn vị cấp cứu, điều trị bệnh nhân bị NĐTP

- Điều tra qua nhân viên y tế về thời điểm và triệu chứng khi nhập viện; Chẩn đoán ban đầu, xử lý của cơ sở cấp cứu, điều trị; Kết quả cận lâm sàng của bệnh nhân; Thu thập các mẫu bệnh phẩm, tình hình diễn biến của bệnh nhân,...;

- Trường hợp có người mắc NĐTP tử vong: Cần điều tra nhân viên y tế và những người có liên quan về thời gian, diễn biến bệnh kể từ khi bệnh nhân phát bệnh đến lúc tử vong; yếu tố liên quan từ những người khác (gia đình, họ hàng),...

b. Điều tra người mắc, người ăn, người liên quan đến vụ NĐTP:

- Tình hình phát bệnh: Xác định người bị NĐTP có đi ăn liên hoan ở đâu về không; Điều tra một cách cụ thể về những trường hợp đã ăn phát bệnh, triệu chứng của người phát bệnh; xác định sự nung bệnh, thể chất, trạng thái sức khỏe của người bệnh;

- Tình hình ăn: Xác nhận xem cả nhóm người có ăn chung một thức ăn hay không (hội nghị, du lịch, bếp ăn tập thể,...). Nếu có được thực đơn trong bữa ăn chung thì điều tra ngay về tình hình ăn. Trường hợp chưa xác định rõ bữa ăn chung (thức ăn chung), cần điều tra tình hình ăn, nội dung bữa ăn trước khi bệnh nhân phát bệnh. Phát hiện tính

đặc thù của bữa ăn (cá nóc, con hầu sống, tiết canh, nội tạng động vật, nấm, rau rừng,...). Điều tra về nước uống (nước giếng, nước suối,...);

- Nội dung khác: Điều tra người phát bệnh hoặc người có triệu chứng khác thường nhưng không ăn loại thực phẩm nguyên nhân; Tình hình đặc thù tại gia đình, nơi sản xuất, kinh doanh. Trường hợp đoàn du lịch bị NĐTP cần điều tra kế hoạch, lịch trình du lịch, các địa điểm và hoạt động ăn nghỉ của đoàn. Đối với đối tượng là học sinh, các cháu nhỏ lưu ý không gây ám thị, không gây ấn tượng về món ăn nào; Đối với trẻ sơ sinh, cần hỏi tình hình từ người mẹ; Đối với những người có triệu chứng giả ngộ độc cần chú ý có trường hợp phát sinh do tình hình xung quanh, do đồn đại. Trường hợp nghĩ tới nguyên nhân do động vật nuôi làm cảnh (chó, mèo,...) cần điều tra các kênh truyền nhiễm. Đối với những người nước ngoài, người mới nhập cảnh, cần điều tra hoạt động của người đó ở nước ngoài (nơi ăn, nghỉ) trước khi phát bệnh.

c. Điều tra cơ sở chế biến, cung cấp thực phẩm:

- Xác nhận cơ sở: Đơn vị điều tra căn cứ vào thông tin điều tra ban đầu để xác nhận có đúng cơ sở đó là đối tượng hay không (địa chỉ, số nhà, số điện thoại của cơ sở) rồi mới vào điều tra;

- Điều tra về quá trình chế biến, cung cấp thực phẩm: Điều tra về thực phẩm bệnh nhân đã ăn; số lượng cung cấp; nguồn gốc nguyên liệu thực phẩm; quá trình sơ chế, chế biến, bảo quản, vận chuyển thực phẩm. Phát hiện các yếu tố nguy cơ như các nguồn truyền nhiễm, sơ suất trong quá trình sơ chế, chế biến, bảo quản thực phẩm;

- Điều tra điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm của cơ sở: Điều tra về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ của cơ sở, thực hành của nhân viên tiếp xúc thực phẩm. Lưu ý đến tình hình vệ sinh trong khu vực chế biến; tình hình sử dụng thiết bị nước và nguồn nước; khu vực bảo quản, phương tiện vận chuyển thực phẩm; phương pháp thu gom, xử lý chất thải; nguồn nguy cơ côn trùng động vật gây hại xâm nhập. Đối với nhân viên tiếp xúc với thực phẩm, điều tra về tình hình sức khỏe, hồi cứu mắc bệnh từ 1-2 tuần trước hay không, vệ sinh và các vết thương hở trên bàn tay, thực hành về an toàn thực phẩm.

- Lấy mẫu thực phẩm lưu, thực phẩm còn lại chưa chế biến, đồ uống, thực phẩm bao gói, nước uống, nguồn nước chế biến,...tại cơ sở cung cấp chế biến thực phẩm.

- Điều tra tình hình dịch bệnh tại địa phương.

6. BIỂU MẪU (phụ lục đính kèm)

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1.	Biểu mẫu 1-ĐTNĐTP	Điều tra người bị NĐTP (được tổng hợp từ mẫu điều tra 1, mẫu điều tra 3.1 và 3.2 - Phụ lục Quyết định 39/2006/QĐ-BYT)
2.	Biểu mẫu 2-ĐTNĐTP	Điều tra người không bị NĐTP (được tổng hợp từ mẫu điều tra 2, mẫu điều tra 3.1 và 3.2 - Phụ lục Quyết định 39/2006/QĐ-BYT).
3.	Biểu mẫu 3-ĐTNĐTP	Tổng hợp xử lý số liệu số liệu điều tra (được tổng hợp từ mẫu điều tra 4, mẫu điều tra số 5 và mẫu điều tra số 6 - Phụ lục Quyết định 39/2006/QĐ-BYT).

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
4.	Biểu mẫu 4-ĐTNDTP	Điều tra tại cơ sở chế biến thực phẩm (<i>được tổng hợp từ mẫu điều tra 7, mẫu điều tra 8, mẫu điều tra 9, mẫu điều tra 10, mẫu điều tra 11 - Phụ lục Quyết định 39/2006/QĐ-BYT</i>).
5.	Biểu mẫu 5A-ĐTNDTP	Báo cáo ban đầu vụ ngộ độc thực phẩm (<i>Được tổng hợp từ mẫu 3A - Quyết định số 3081/QĐ-BYT ngày 15/7/2020 của Bộ Y tế</i>)
6.	Biểu mẫu 5B-ĐTNDTP	Báo cáo kết thúc vụ ngộ độc thực phẩm (<i>Được tổng hợp từ mẫu 3B - Quyết định số 3081/QĐ-BYT ngày 15/7/2020 của Bộ Y tế</i>)
7.	Biểu mẫu 6-ĐTNDTP	Biên bản lấy mẫu và tem niêm phong mẫu (<i>Được tổng hợp từ mẫu 2 và mẫu 3 - Quyết định số 811/QĐ-SYT ngày 3 tháng 11 năm 2023 của Sở Y tế Quảng Trị</i>)
8.	Biểu mẫu 7-ĐTNDTP	Biên bản bàn giao mẫu (<i>Được tổng hợp từ mẫu 4 - Quyết định số 811/QĐ-SYT ngày 3 tháng 11 năm 2023 của Sở Y tế Quảng Trị</i>)
9.	Biểu mẫu 8-ĐTNDTP	Biên bản thống nhất kết luận vụ ngộ độc (<i>nếu vụ việc mang tính phức tạp</i>)
10.	Biểu mẫu 9-ĐTNDTP	Báo cáo kết quả điều tra vụ ngộ độc thực phẩm

7. HỒ SƠ CÀN LƯU

TT	Hồ sơ lưu
1	Quyết định thành lập đoàn/đội điều tra ngộ độc thực phẩm.
2	Các biểu mẫu điều tra người bị ngộ độc, không bị ngộ độc, điều tra cơ sở thực phẩm, tổng hợp, xử lý số liệu liên quan đến vụ ngộ độc
3	Các biên biên bản lấy mẫu thực phẩm, biên bản bàn giao mẫu, phiếu trả lời kết quả kiểm nghiệm các mẫu bệnh phẩm, thực phẩm, Biên bản họp thống nhất kết luận vụ ngộ độc
4	Phiếu Báo cáo ban đầu vụ ngộ độc thực phẩm, Báo cáo kết thúc vụ ngộ độc thực phẩm và Báo cáo kết quả điều tra vụ ngộ độc thực phẩm
Hồ sơ được lưu tại phòng Nghiệp vụ trong thời gian lưu 01 năm. Sau đó chuyển sang lưu trữ tại cơ quan theo qui định.	

PHỤ LỤC CÁC BIỂU MẪU
(Kèm theo Quy trình điều tra và xử lý ngộ độc thực phẩm)

Biểu mẫu 1- ĐTNĐTP

CHI CỤC ATVSTP QUẢNG TRỊ
ĐOÀN ĐIỀU TRA THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ/QĐ-CC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐIỀU TRA NGƯỜI BỊ NGỘ ĐỘC THỰC PHẨM

Bảng 1.1: Điều tra thông tin, triệu chứng của người bị NDTP

TT	Họ và tên	Số mã hóa tên	Tuổi	Giới		Địa chỉ	Thời gian phát bệnh (giờ ngày)	Triệu chứng								Ngày lấy mẫu phân	Kết quả xét nghiệm
				Nam	Nữ			Đau bụng	Tiêu chảy (5x 4x)	Buồn nôn	Nôn (5x 4x)	Co giật	Nổi mề đay	Sốt	khác		
1																	
2																	
3																	
4																	
5																	
6																	
7																	
8																	
9																	
10																	

Ghi chú: Cột tiêu chảy và nôn ghi số lần tiêu chảy và lần nôn theo ngày thứ nhất 5 lần (5x), thứ hai 4 lần (4x), từ trên xuống theo mẫu.

Bảng 1.2: Điều tra các thức ăn/món ăn đã ăn, người ăn và thời gian ăn ở bữa X

TT	Số mã hóa tên theo bảng 1.1	Thời gian ăn (giờ, ngày)	Tên các thức ăn/món ăn của bữa ăn nghi ngờ gây ra ngộ độc (bữa ăn X)													
1																
2																
3																
4																
5																
6																
7																
8																
9																
10																

Bảng 1.3: Điều tra các thức ăn/món ăn đã ăn, người ăn và thời gian ăn ở bữa Y (trước bữa ăn X) của người bị ngộ độc

TT	Số mã hóa tên theo bảng 1.1	Thời gian ăn (giờ, ngày)	Tên các món ăn của bữa ăn trước bữa ăn nghi ngờ gây ra ngộ độc (bữa ăn Y)													
1																
2																
3																
4																
5																
6																
7																
8																
9																
10																

Ngàythángnăm 20.....

Người điều tra

CHI CỤC ATVSTP QUẢNG TRỊ
ĐOÀN ĐIỀU TRA THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ/QĐ-CC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐIỀU TRA NGƯỜI KHÔNG BỊ NGỘ ĐỘC THỰC PHẨM

Bảng 2.1: Điều tra những người không bị ngộ độc thực phẩm đã ăn bữa ăn X và bữa ăn Y

TT	Họ và tên	Số mã hóa tên	Tuổi	Giới tính	Địa chỉ	Bữa ăn X	Bữa ăn Y
1							
2							
3							
4							
5							
6							
7							
8							
9							
10							

Ghi chú: X là bữa ăn cuối cùng trước khi bị ngộ độc thực phẩm (Bữa ăn nghi ngờ có khả năng gây ra ngộ độc); Y là bữa ăn trước bữa ăn X.

Bảng 2.2: Điều tra các thức ăn đã ăn, người ăn và thời gian ăn ở bữa X của người không bị ngộ độc

TT	Số mã hóa tên theo bảng 2.1	Thời gian ăn (giờ ngày)	Tên các món ăn của bữa ăn nghi ngờ gây ra ngộ độc (bữa ăn X)												
1															
2															
3															
4															
5															
6															
7															
8															
9															
10															

Bảng 2.3: Điều tra các thức ăn đã ăn, người ăn và thời gian ăn bữa ăn Y của người không bị ngộ độc

TT	Số mã hóa tên theo bảng 2.1	Thời gian ăn (giờ ngày)	Tên các món ăn của bữa ăn trước bữa ăn nghi ngờ gây ra ngộ độc (bữa ăn Y)													
1																
2																
3																
4																
5																
6																
7																
8																
9																
10																

Ngàythángnăm 20.....

Người điều tra

TỔNG HỢP XỬ LÝ SỐ LIỆU ĐIỀU TRA

Bảng 3.1: Điều tra những thức ăn, số người ăn bị NDTP và không bị NDTP ở bữa ăn X và bữa Y

TT	Thực đơn	Bữa ăn X				Bữa ăn Y			
		Số người đã ăn		Số người không ăn		Số người đã ăn		Số người không ăn	
		Bị ND	Không bị ND	Bị ND	Không bị ND	Bị ND	Không bị ND	Bị ND	Không bị ND
1									
2									
3									
4									
5									
6									
7									
....									

Bảng 3.2: Xác định bữa ăn nguyên nhân

TT	Bữa ăn	Số người bị NDTP				Số người không bị NDTP			
		Đã ăn	Không ăn	Cộng	Tỷ lệ ăn(%)	Đã ăn	Không ăn	Cộng	Tỷ lệ ăn(%)
1	X								
2	Y								
3									

Bảng 3.3: Điều tra thức ăn nguyên nhân trong bữa ăn nguyên nhân

TT	Thực đơn	Số người đã ăn				Số người không ăn				Chênh lệch các tỷ lệ (%)
		Bị ND	Không	Tổng số	TLTC(%)	Bị ND	Không	Tổng số	TLTC(%)	
1										
2										
3										
4										
5										
....										

Ghi chú: - TLTC (%) = Số người bị NDTP/Tổng số người có ăn bữa ăn hoặc thức ăn đó x 100;
 - Người chịu trách nhiệm xử lý số liệu điều tra, so sánh và xác định thức ăn nguyên nhân.

Ngàythángnăm 20.....
Người tổng hợp xử lý số liệu điều tra
(Ký ghi rõ họ tên)

CHI CỤC ATVSTP QUẢNG TRỊ
ĐOÀN ĐIỀU TRA THEO
QUYẾT ĐỊNH SỐ/QĐ-CC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHIẾU ĐIỀU TRA CƠ SỞ

Thực hiện Quyết định 39/2006/QĐ-BYT ngày 13 tháng 12 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Y tế về quy chế điều tra ngộ độc thực phẩm.

Hôm nay, vào lúc.....giờ.....ngàytháng.....năm 20.....

Tại đơn vị/cơ sở :.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại:.....

I. Thành phần đoàn điều tra gồm có:

1. Ông (bà)..... Đơn vị:.....
2. Ông (bà)..... Đơn vị:.....
3. Ông (bà)..... Đơn vị:.....
4. Ông (bà)..... Đơn vị:.....
5. Ông (bà)..... Đơn vị:.....
6. Ông (bà)..... Đơn vị:.....
7. Ông (bà)..... Đơn vị:.....

Đại diện đơn vị/cơ sở:..... Chức vụ:.....

II. Nội dung điều tra:

1. Điều tra cơ sở (theo bước 10 trong quy chế Điều tra NĐTP):.....

1.1. Điều tra thủ tục hành chính:

Tên cơ sở:..... Điện thoại:.....

Chủ cơ sở:..... Địa chỉ:.....

Loại hình kinh doanh:..... Số giấy phép ĐKKD:.....

Ngày đăng ký:..... Nơi cấp:.....

Giấy CNCSĐĐKATTP Số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Số suất ăn cung cấp:.....

Việc ghi chép ba bước tự kiểm tra và lưu mẫu thực phẩm:.....

Nguồn nguyên liệu:.....

1.2. Điều tra điều kiện cơ sở:

Nơi sơ, chế biến, ăn uống:

.....

.....

Nguồn nước:.....

Công trình vệ sinh:.....

Xử lý rác:.....

Nước thải:.....

Tình trạng côn trùng (nhặng, ruồi, dán, chuột):.....

Bụi:.....

1.3. Điều tra về dụng cụ trang thiết bị:.....

.....

1.4. Điều tra người chế biến, nấu nướng, phục phụ ăn uống (theo bước 8 của quy chế điều tra NDTP):.....

TT	Họ và tên	Tuổi Giới		Địa chỉ	Tiền sử bệnh tật	Bệnh tật hiện tại	Có/ Không KSK	Tập huấn	Trang bị BHLĐ
		Nam	Nữ						
1									
2									
3									
4									
5									
...									
Tổng									

1.5. Điều tra nguồn gốc, tình hình chế biến thực phẩm (theo bước 7 trong quy chế Điều tra NDTP):

Điều tra các món ăn của bữa ăn:.....

TT	Tên món ăn	Dạng chế biến (sống, chín, đông lạnh, để tủ lạnh, đun nóng, không đun nóng)	Thời gian chế biến (ngày, giờ)	- Nguồn gốc - Tên cơ sở, chủ cơ sở cung ứng

Đồ uống, trái cây, khác:

Tên thực phẩm	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ	NSX, HSD	Dạng đóng gói	Có sử dụng đá cùng đồ uống

Các loại thực phẩm kinh doanh phụ gia, phẩm màu khác:

.....

.....

2. Công tác lấy mẫu phục vụ điều tra ngộ độc:

.....

.....

3. Điều tra dịch bệnh ở địa phương (theo bước 11 trong quy chế Điều tra NĐTP):

Các dịch bệnh đang lưu hành ở người:.....

Các dịch bệnh đang lưu hành ở súc vật, gia cầm:.....

Tình hình ô nhiễm môi trường:

Đất:.....

Nước:.....

Không khí:.....

Thời gian kết thúc điều tra vào lúc

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐIỀU TRA

ĐẠI DIỆN ĐOÀN ĐIỀU TRA

SỞ Y TẾ QUẢNG TRỊ
CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH
THỰC PHẨM
Số: _____/BC-CC

Biểu mẫu 5b- ĐTNĐTP
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Trị, ngày tháng năm

BÁO CÁO BAN ĐẦU VỤ NGỘ ĐỘC THỰC PHẨM

Kính gửi: Cục An toàn thực phẩm

1	Địa điểm, địa chỉ xảy ra vụ NĐTP				
2	Thời gian xảy ra vụ NĐTP (thời gian ca mắc đầu tiên)	 giờ, ngày tháng năm 20.....			
3	Loại hình xảy ra vụ NĐTP (đánh dấu X vào ô tương ứng)	1. Gia đình		2. Nhà hàng	
		3. Bếp ăn tập thể		4. Khách sạn	
		5. Đám cưới/giỗ		6. Bếp ăn trường học	
		7. Thức ăn đường phố		8. Khác (ghi rõ)	
4	Triệu chứng lâm sàng (ghi triệu chứng chính của bệnh nhân)				
5	Tác nhân nghi ngờ gây ra NĐTP (đánh dấu X vào ô tương ứng)	Vi sinh	Hóa chất	Độc tố tự nhiên	Chưa xác định
6	Bữa ăn nghi ngờ gây ra NĐTP (đánh dấu X vào ô tương ứng)	Sáng	Trưa	Chiều	Khác (ghi rõ)
7	Thức ăn nghi ngờ gây ra vụ NĐTP (ghi tên cụ thể thức ăn nghi ngờ)				
8	Số người liên quan đến vụ NĐTP (ghi số lượng người vào ô tương ứng)	1. Số người mắc			
		2. Số người chết			
9	Lấy mẫu (đánh dấu X vào ô tương ứng)	Có		Không	
	a) Mẫu thực phẩm				
	b) Mẫu bệnh phẩm				

Nơi nhận:

- Như trên;
- Viện Pasteur Nha Trang;
- Sở Y tế (để b/cáo);
- TTKSBT tỉnh;
-
- Lưu: VT, NV.

CHI CỤC TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)

Quảng Trị, ngày tháng năm

BÁO CÁO KẾT THÚC VỤ NGỘ ĐỘC THỰC PHẨM

Kính gửi: Cục An toàn thực phẩm

1	Địa điểm, địa chỉ xảy ra vụ NĐTP			
2	Thời gian xảy ra vụ NĐTP (thời gian ca mắc đầu tiên)	 giờ, ngày tháng năm 20...		
3	Số người NĐTP (ghi số lượng người vào ô tương ứng)	1. Số người mắc		
		2. Số người chết		
4	Loại hình xảy ra vụ NĐTP (đánh dấu X vào ô tương ứng)	1. Gia đình	2. Nhà hàng	
		3. Bếp ăn tập thể	4. Khách sạn	
		5. Đám cưới/giỗ	6. Bếp ăn trường học	
		7. Thức ăn đường phố	Khác	
5	Thức ăn nguyên nhân (có thể chọn 1 hoặc nhiều loại thức ăn)	1. Thịt hoặc sản phẩm từ thịt		
		2. Cá hoặc sản phẩm từ cá	7. Nước giải khát	
		3. Trứng hoặc sản phẩm từ trứng	8. TP chế biến hỗn hợp	
		4. Ngũ cốc hoặc sản phẩm từ ngũ cốc	9. Rượu	
		5. Sữa hoặc sản phẩm từ sữa	10. Thức ăn khác (ghi rõ)	
6	Tác nhân gây NĐTP (đánh dấu X vào ô tương ứng)	Vi sinh	Hóa chất	Độc tố tự nhiên
7	Nguyên nhân NĐTP (ghi rõ kết quả kiểm nghiệm phát hiện nguyên nhân trong mẫu thực phẩm)	Không xác định nguyên nhân (đánh dấu X ô tương ứng)		
8	Thời gian kết thúc vụ NĐTP (thời gian ca mắc cuối cùng)	 giờ, ngày tháng năm		
9	Vụ NĐTP có từ 30 người mắc trở lên (đánh dấu X)			

Nơi nhận:

- Như trên;
- Viện Pasteur Nha Trang ;
- Sở Y tế (để b/cáo);
- TTKSBT tỉnh;
- ;
- Lưu: VT, NV.

CHI CỤC TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)

BIÊN BẢN LẤY MẪU NGỘ ĐỘC THỰC PHẨM

Tên cơ sở xảy ra ngộ độc:.....

Thời gian tiến hành lấy mẫu : giờ.....ngày tháng năm.....

Đại diện Đoàn/đội điều tra

.....

Đại diện cho cơ sở xảy ra ngộ độc:

.....

Mẫu thực phẩm, bệnh phẩm thu thập

STT	Tên mẫu (ghi rõ nơi lấy, cách lấy, tình trạng mẫu...)	Khối lượng mẫu (g)	Thể tích mẫu (ml)

Biên bản được lập thành 2 bản, Đoàn/đội điều tra giữ 01 bản, cơ sở giữ 01 bản.

....., ngày ... tháng... năm.....

Trưởng Đoàn/Tổ điều tra

Cán bộ lấy mẫu

Đại diện cơ sở

TEM NIÊM PHONG MẪU

Cán bộ lấy mẫu Trưởng Đoàn/đội điều tra ngày...../...../..... ...	TEM NIÊM PHONG MẪU Tên mẫu Mã số mẫu 	Đại diện cơ sở được lấy mẫu ngày...../...../.....
--	--	--

CHI CỤC ATVSTP QUẢNG TRỊ
ĐOÀN ĐIỀU TRA THEO QUYẾT ĐỊNH
Số/QĐ-CC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

BIÊN BẢN BÀN GIAO MẪU

Số:/BB-BGMND

Hôm nay, vào hồi giờ ngày tại

Đại diện cơ quan kiểm nghiệm (Bên nhận mẫu) tiến hành nhận mẫu do Đại diện Đoàn/Tổ điều tra vụ ngộ độc thực phẩm của(bên giao mẫu) bàn giao mẫu và các yêu cầu kiểm nghiệm như sau:

Đoàn điều tra (Bên giao mẫu):

Đại diện là:

Cơ quan kiểm nghiệm (Bên nhận mẫu):

Đại diện là:

TT	Tên mẫu	Tên cơ sở và địa chỉ lấy mẫu	Tình trạng mẫu	Chỉ tiêu kiểm nghiệm

Biên bản được lập thành 02 bản, Đoàn điều tra giữ 01 bản, đơn vị kiểm nghiệm giữ 01 bản.

Đại diện Đoàn/Tổ điều tra

Đại diện cơ quan kiểm nghiệm

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỌP

(Về việc.....)

Hôm nay vào hồi giờ ngày/...../20....., Chi cục tổ chức họp thống nhất kết luận kết quả điều tra vụ ngộ độc tại đơn vị/cơ sở:.....

I. THÀNH PHẦN THAM DỰ:

1. Chủ trì: Ông/bà:..... Chức vụ:
 2. Thư ký: Ông/bà:..... Chức vụ:
 3. Các thành phần khác:
- Ông/bà:..... Chức vụ:
- Ông/bà:..... Chức vụ:
- Ông/bà:..... Chức vụ:
- Ông/bà:..... Chức vụ:
- Ông/bà:..... Chức vụ:
- Ông/bà:..... Chức vụ:

II. NỘI DUNG CUỘC HỌP:

III. KẾT LUẬN CUỘC HỌP:

Biên bản cuộc họp kết thúc vào lúcgiờ..... cùng ngày, nội dung cuộc họp đã được các thành viên dự họp thông qua và cùng ký vào biên bản.

THƯ KÝ

(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TỌA

(Ký, ghi rõ họ tên)

CÁC THÀNH VIÊN KHÁC

(Ký, ghi rõ họ tên)

Quảng Trị, ngày tháng năm 20....

BÁO CÁO
Kết quả điều tra vụ ngộ độc thực phẩm

I. Tóm tắt vụ việc:

- Địa điểm xảy ra ngộ độc:
- Hoàn cảnh xảy ra ngộ độc:
- Cơ sở chế biến thực phẩm:
- Tổng số người bị ngộ độc:
- Thời gian bắt đầu ăn:
- Ngày giờ xuất hiện bệnh nhân mắc đầu tiên:
- Ngày giờ xuất hiện bệnh nhân mắc cuối cùng:

II. Công tác điều tra xử trí ngộ độc thực phẩm:

1. Thông tin báo cáo:

2. Công tác xử lý và điều trị cấp cứu:

- 2.1. Triệu chứng lâm sàng:
- 2.2. Chẩn đoán của cơ sở điều trị:
- 2.3. Phác đồ điều trị:
- 2.4. Công tác xử lý điều trị cấp cứu bệnh nhân:

3. Công tác điều tra theo quy chế điều tra ngộ độc thực phẩm: (Theo Quyết định 39/2006/QĐ-BYT ngày 13 tháng 12 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Y tế về quy chế điều tra ngộ độc thực phẩm).

- Phương pháp phân tích:
- Phương pháp chọn mẫu:
- Phương pháp thu thập thông tin:

Bước 1. Điều tra cá thể bị ngộ độc thực phẩm (NĐTP)

Bước 2. Điều tra những người đã ăn bữa X và bữa ăn Y không bị NĐTP.

Bước 3. Điều tra các thức ăn đã ăn, người ăn và thời gian ăn

Bước 4. Điều tra những thức ăn, số người ăn và không ăn bị NĐTP và không bị NĐTP ở bữa

ăn X

Bước 5. Điều tra bữa ăn nguyên nhân.

Bước 6. Điều tra thức ăn nguyên nhân trong bữa ăn nguyên nhân

Bước 7. Điều tra nguồn gốc, tình hình chế biến thực phẩm

Bước 8. Điều tra tiền sử bệnh tật những người chế biến nấu nướng, phục vụ ăn uống:

Bước 9. Kết quả xét nghiệm mẫu thức ăn

Bước 10. Điều tra cơ sở

Bước 11. Điều tra điều kiện môi trường và dịch bệnh ở địa phương.

III. Tổng hợp kết quả các bước điều tra:

1. Tổng hợp kết quả:

- Thời gian xảy ra NĐTP:
- Bệnh nhân mắc đầu tiên:
- Bệnh nhân mắc cuối cùng:
- Địa điểm xảy ra ngộ độc:
- Số người ăn:
- Số người mắc:

- Số bệnh nhân điều trị tại cơ sở Y tế;
- Số bệnh nhân điều trị tại nhà;
- Bữa ăn nguyên nhân;
- Thức ăn nguyên nhân;
- Cơ sở nguyên nhân;
- Căn nguyên:

2. Kết luận:

IV. Kiến nghị và hướng xử lý tiếp theo:

Nơi nhận:

- Cục ATTP (báo cáo);
- Viện Pasteur Nha Trang;
- Sở Y tế;
- TTKSBT tỉnh;
-
- Lưu VT, NV.

CHI CỤC TRƯỞNG